

Danh sách kết quả rà soát hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn giai đoạn 2022-2025
(Kèm theo Báo cáo Ban Chỉ đạo cấp xã)

Năm rà soát 2025

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo												Nguyên Nhân nghèo								Chỉ số thiếu hụt của trẻ em			
									1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4
1	Trần Công Hòa	6	kinh	1	6/30/1954	tổ 2			x			x									x											
2	Hà Thị Việt	3	kinh	2	6/8/1975	tổ 2					X	x									x											
3	Nguyễn Thị Sinh	5	kinh	2	03/04/1947	tổ 2	x		x		X											x										
4	Hồ Thị Tứ	1	kinh	2	7/3/1961	tổ 2	x		x		X												x									
5	Bùi Tiến Đường	4	kinh	1	01/01/1975	tổ 3					X										x											
6	Lê Văn Tuấn	5	kinh	1	18/11/1980	tổ 3				x	X										x											
7	Trịnh Thị Hậu	2	kinh	2	01/01/1950	tổ 3	x																x									
8	Phạm Thị Như Tuyết	4	kinh	2	10/11/1975	tổ 3					X											x										
9	Nguyễn Ngọc Trí	6	kinh	1	22/12/1986	tổ 6				x	X											x										
10	Trịnh Thị Tâm	4	kinh	2	01/01/1957	Tổ 8			x		X											x										
11	Phạm Thị Gái	1	kinh	2	1/1/1957	Tổ 8	x		x		X												x									
12	Thân Trọng Bình	5	kinh	1	01/01/1967	Tổ 8			x		X											x										
13	Kiều Văn Thông	2	kinh	1	02/10/1964	Tổ 8			x		X												x									
14	Đặng Văn Cút	3	kinh	1	01/01/1989	Tổ 8			x		X											x										
15	Nguyễn Thị Thu	3	kinh	2	25/08/1961	tổ 10					X											x										
16	Châu Thị Phúc	6	kinh	2	19/03/1954	tổ 10			x		X											x										
17	Lê Văn Dũng	6	kinh	1	08/02/1972	tổ 10					X											x										
18	Nguyễn Thị Vân	4	kinh	2	05/11/1981	tổ 10					X			x								x										
19	Phạm Thị Thìn	3	kinh	2	12/03/1988	tổ 10				x	X												x									
20	Lê Thị Chút	2	kinh	2	1939	tổ 10			x		X											x										
21	Nguyễn Thị Tường	3	kinh	2	22/12/1975	Thanh Trung			x		X											x										
22	A HOANG	4	Giẻ triêng	1	1/1/1977	Plei trum-Đăk choah			x		X													x								

23	A NHU	4	Ba na	1	26/8/1996	Plei trum-Đăk choah					X	x								x								
24	A YOCK	7	Ba na		04/04/1985	Plei trum-Đăk choah			x		X												x					
25	Y THƯƠNG	3	Ba na	2	01/08/1993	Plei trum-Đăk choah					X	x								x								
26	A THẮN	5	Ba na	1	02/07/1963	Plei trum-Đăk choah			x		X												x					
27	RAH LAN H'KLÔ	4	Giẻ triêng	2	04/04/1962	Plei trum-Đăk choah				x	X												x					
28	Y NHANH	3	Ba na	2	15/01/1992	Plei trum-Đăk choah				x	X												x					
29	Y KHEM	7	Ba na	2	03/10/1944	Plei trum-Đăk choah					x	X								x								
30	Y PANH	5	Ba na	2	04/04/2000	Plei trum-Đăk choah				x	X												x					
31	Y XUÊN	3	Ba na	2	09/05/1997	Plei trum-Đăk choah			x		X												x					
32	A TUÂN	4	Ba na	1	28/07/2000	Plei trum-Đăk choah					X	x								x								
33	A VĨNH	6	Giẻ triêng		02/05/1996	Plei trum-Đăk choah				x	X												x					
34	Y THỨCH	4	Ba na	2	01/01/1969	Plei trum-Đăk choah			x		X												x					
35	Y BỮK	3	Ba na	2	01/01/1975	Plei trum-Đăk choah			x		X												x					
36	A RÚT	7	Ba na	1	12/01/1976	Plei trum-Đăk choah			x		X												x					
37	A NÂU	9	Giẻ triêng	1	20/05/1989	Plei trum-Đăk choah			x		X												x					
38	Y NGE0	2	Ba na	2	09/09/1980	Plei trum-Đăk choah					x	X											x					
39	Y Mung	4	Ba na	2	01/01/1992	Plei trum-Đăk choah			x		X									x								
40	Y Vân	5	Ba na	2	2/1/2000	Plei trum-Đăk choah					X									x								
41	A Bal	4	Ba na	2	9/7/1998	Plei trum-Đăk choah					X									x								
42	Vũ Thị Mơ	1	kinh	2	1/1/1952	Thôn 1													x					x				
43	Vi Văn Eng	5	nùng	1	19/9/1970	Thôn 1			x		X												x					
44	Nguyễn Thị Qùy	2	kinh	2	11/12/1954	Thôn 1			x		X											x						
45	Nguyễn Hữu Sướng	6	kinh	1	21/05/1969	Thôn 2					X				x					x								
46	Nguyễn Thị Yén	3	kinh	2	18/12/1977	Thôn 2					X									x								

[illegible]

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
(Kèm theo Báo cáo của Ban Chỉ đạo cấp xã.)

Năm rà soát 2025

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động
A	Danh sách hộ nghèo							
I	TỔ 2							
1	Phạm Giàu	Chủ hộ	1	15/07/1983	062083000928	Kinh		
	Nguyễn Thị Nguyệt	Vợ	2	14/01/1987	062187001189	Kinh		
	Phạm Thiện	Con	1	19/09/2011	062211006928	Kinh		
	Phạm Thị Yến Vi	Con	2	06/11/2013	062313007305	Kinh		
	Phạm Thế Hiền	Con	1	08/11/2015	062215007979	Kinh		
2	Ngô Văn Dũng	Chủ hộ	1	12/5/1990	06209000449	Kinh		
3	Hồ Thị Hồng	Chủ hộ	2	15/8/1967	052167000759	Kinh		
	Hồ Đế	Cha	1	10/4/1940	052040005350	Kinh		x
	Đồng Thị Lũy	Mẹ	2	01/01/1943	052143002801	Kinh		x
	Hồ Bảo Trâm	Cháu	2	20/09/2016	062316005794	Kinh		
	Hồ Gia Bảo	Cháu	1	07/05/2019	062219001763	Kinh		
	Hồ Vũ Y Nhi	Cháu	2	01/11/2019	052037002646	Kinh		
II	TỔ 1 (NGÔ MÂY)							
1	Lê Thị Hồng Nga	Chủ hộ	2	28/04/1963	052163000538	Kinh		
III	THANH TRUNG							
1	Nguyễn Thị Chính	Chủ hộ	2	12/12/1967	049167000506	Kinh		
	Nguyễn Minh Đức	con	1	2/2/1998	049098000272	Kinh		
IV	PLIETRUMM- ĐẮK CHOA							
1	Y Thao	Chủ hộ	2	1/1/1990	062190007251	Giê triêng		
	Y Thuyên	con	2	20/11/2015	062315000078	Giê triêng		
	Y Trang	con	2	9/9/2020	06232004385	Giê triêng		
V	THÔN 1					Giê triêng		
1	Mai Bá Phúc	Chủ hộ	1	16/6/1981	046081007468	Kinh		
	Trịnh Thanh Tú	Vợ	2	02/02/1990	062190003905	kinh		
	Mai Bá Hoàng	con	1	21/02/2008	062208003426	kinh		
	Mai Bá Nghĩa	con	1	22/5/2010	062210005797	kinh		
	Mai Bảo Trân	con	2	5/9/2016	062316007308	kinh		
	Trịnh Quốc Bảo	con	1	15/05/2012	062212003070	Kinh		

	Mai Phương Duy	con	2	17/3/2018	062318000132	Kinh		
VI	THÔN 3							
1	Nguyễn Thành Dương	Chủ hộ	1	18/09/1993	062093000585	kinh		
VII	THÔN 5							
	Y Wi	Chủ hộ	2	01/01/1981	062181001155	Rơ ngao		
	Y Vên	con	2	07/04/2008	062308000205	Rơ ngao		
	Y Nhung	con	2	28/07/2010	062310000144	Rơ ngao		
	Y Hy	con	2	29/03/2013	062313000226	Rơ ngao		
	A Sum	con	1	30/05/2016	062316001404	Rơ ngao		
VII	THÔN 7							
	Y Yan	Chủ hộ	2	08/10/1978	062178004004	Rơ ngao		
	A Thọ	Con	1	22/4/2008	062208004885	Rơ ngao		
	A Qúa	Con	1	14/9/2009	062209002166	Rơ ngao		
VIII	THÔN 8							
1	Nguyễn Quốc Dũng	Chủ hộ	1	20/12/1973	052073019510	Kinh		
	Nguyễn Văn Mạnh	con	1	26/2/2012	062212008146	Kinh		
	Nguyễn Quốc Vương	con	1	3/7/2015	062215003514	Kinh		
	Nguyễn Hồng Vân	con	2	23/11/2010	062310002641	Kinh		
VI	THÔN 9							
	Lê Văn Vuông	Chủ hộ	1	02/04/1969	051069002240	Kinh		
	Nguyễn Thị Liên	Vợ	2	08/11/1984	001184051351	Kinh		
	Lê Thanh Mai	con	2	05/02/2010	070310008476	Kinh		
	Lê Thành Hòa	con	1	22/08/2012	070212010025	Kinh		
	Lê Thanh Ngân	con	2	28/04/2015	070315003277	Kinh		
B	Danh sách hộ cận							
I	Tổ 2							
1	Trần Công Hòa	Chủ hộ	1	30/06/1954	046054000494	kinh		
	Trần Thái Vũ	con	2	8/1/1994	052094010011	kinh		
	Trần Công Thái	Con	3	5/1/1991	052091005385	kinh		
	Tô Kiều Linh	Con	4	12/06/1994	052194014358	kinh		
	Trần Trúc Ly	Cháu	5	21/02/2015	062315005196	kinh		
	Trần Kiến Văn	Cháu	6	07/3/2022	062222001545	kinh		
2	Hà Thị Việt	Chủ hộ	7	6/8/1975	025175006506	kinh		
	Võ Thị Thanh Tâm	Con	8	22/10/2005	062305003014	kinh		
	Võ Thị Thanh Lý	Con	9	4/23/2009	062309001042	kinh		
3	Nguyễn Thị Sinh	Chủ hộ	10	03/04/1947	046147000293	kinh		x
	Trương Văn Đề	Chồng	11	12/06/1947	046047003550	kinh		x
	Trương Thị Cúc	Con	12	01/01/1981	062181002283	kinh		
	Trương Thị Thanh Thùy	Cháu	13	11/4/1991	062191004422	kinh		

	Trương Bảo Trân	Cháu	14	28/01/2016	062316000760	kinh		
4	Hồ Thị Tứ	chủ hộ	15	7/3/1961	040161001730	kinh		
II	Tổ 3							
1	Bùi Tiến Đường	Chủ hộ	1	01/01/1975	044176007794	kinh		
	Tô Thị Thương	Vợ	2	25/09/1989	025189002865	kinh		
	Bùi Phương Linh	Con	2	12/10/2011	062310003900	kinh		
	Bùi Tiến Thắng	Con	1	24/09/2014	062214008349	kinh		
2	Lê Văn Tuấn	Chủ hộ		18/11/1980	05208002718	kinh		
	Lê Toàn Phước	Con		01/4/2009	062200001681	kinh		
	Lê Toàn Nhân	Con		13/01/2011	062211000055	kinh		
	Lê Toàn Nhân	Con		27/02/2014	062214000129	kinh		
	Lê Toàn Phúc	con		16/01/2019	062219000275	kinh		
3	Trịnh Thị Hậu	Chủ hộ		01/01/1950	052151004039	kinh		x
	Trần Hoài Quốc	cháu		21/12/2005	046205012760	kinh		
4	Phạm Thị Như Tuyết	Chủ hộ		10/11/1975	062175000199	kinh		
	Trần Quốc An Nam	Con		29/03/2001	064201008941	kinh		
	Trần Xuân Quý	Con		15/12/2010	062210004227	kinh		
	Trần Lê Tùng Anh	Con		24/02/2015	062215007667	kinh		
III	Tổ 6							
1	Nguyễn Ngọc Trí	Chủ hộ		22/12/1986	062086000758	kinh		
	Y Xiết	Vợ		01/01/1986	0621860003651	bana		
	Nguyễn Đức Trọng	Con		22/05/2004	062204008717	kinh		
	Nguyễn Ngọc Nghĩa	Con		01/01/2007	062207000591	kinh		
	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Con		29/08/2011	062311006738	kinh		
	Nguyễn Thị Bảo Xuyên	Con		12/05/2017	062317006667	kinh		
IV	Tổ 8							
1	Trịnh Thị Tâm	Chủ hộ		01/01/1957	062157002962	kinh		x
	Trịnh Thị Bích Vân	Con		01/01/1977	062177003081	kinh		
	Trịnh Hồ Nhựt Hoàng	Con		10/07/1982	062082004762	kinh		
	Trịnh Hoàng Thủy Trúc	Cháu		19/05/2010	062310001959	kinh		
2	Phạm Thị Gái	chủ hộ		1/1/1957	'046157012250	kinh		x
3	Thân Trọng Bình	Chủ hộ		01/01/1967	052067006678	kinh		
	Thân Trọng Anh Hùng	Con		18/03/1989	062089002983	kinh		
	Thân Trọng Anh Cường	Con		11/03/1991	062091001769	kinh		
	Thân Thanh Hà	Cháu		04/01/2010	062310003395	kinh		
	Thân Gia Bảo	Cháu		20/01/2012	062212008576	kinh		
4	Kiều Văn Thông	Chủ hộ		02/10/1964	051064001131	kinh		
	Nguyễn Thị Hồng	vợ		1/1/1964		kinh		

5	Đặng Văn Cút	Chủ hộ		01/01/1989	046089012201	kinh		
	Nguyễn Thị Mai	Mẹ		01/01/1954	046154005113	kinh		x
	Đặng Phúc Khang	con		14/05/2017	062218000874	kinh		
V	TỔ 10							
1	Nguyễn Thị Thu	Chủ hộ		25/08/1961	040161001056	kinh		
	Nguyễn Trung Hiếu	Con		14/06/1998	040098001482	kinh		
2	Châu Thị Phúc	Chủ hộ		19/03/1954	051154002193	kinh		x
	Châu Văn Hiệp	Con		10/02/1986	051086002171	kinh		
	Đỗ Thị Quyên	Con		05/06/1990	038190022707	kinh		
	Châu Thị Mai Linh	Cháu		04/09/2008	062308007113	kinh		
	Châu Văn Đạt	Cháu		15/10/2011	062211004541	kinh		
	Châu Thị Khánh Ngọc	Cháu		22/11/2022		kinh		
3	Lê Văn Dũng	Chủ hộ		08/02/1972	062072004295	kinh		
	Nguyễn Thị Nhung	Vợ		12/4/1981	033181013113	kinh		
	Lê Nguyễn Quỳnh Như	Con		08/10/2002	062302003792	kinh		
	Lê Nguyễn Khánh Vy	Con		01/12/2006	062306004019	kinh		
	Lê Thiện Nhân	Con		11/10/2010	062210006795	kinh		
	Lê Gia Huy	Con		24/06/2014	062214001582	kinh		
	Lê Bảo Nhi	con		5/9/1998	062198004006			
	Trương Phúc Khang	con		3/9/2018				
4	Nguyễn Thị Vân	Chủ hộ		05/11/1981	064181009502	kinh		
	Bùi Thị Ngoan	Con		13/06/2009	062309000094	kinh		
	Bùi Văn Phú	Con		19/12/2011	062211000044	kinh		
	Bùi Hoàng Minh	Con		07/04/2021	06221001336	kinh		
5	Phạm Thị Thìn	Chủ hộ		12/03/1988	038188021615	kinh		
	Đinh Thị Diễm Hương	Con		04/11/2008	062308004908	kinh		
	Nguyễn Thị Hải Yến	Con		13/09/2012	062312003836	kinh		
6	Lê Thị Chút	Chủ hộ		1939	052139002783	kinh		x
	Trần Bá Thọ	Con		1966	062066003260	kinh		
VI	THANH TRUNG							
1	Nguyễn Thị Tường	Chủ hộ		22/12/1975	040175013392	Kinh		
	Bùi Đức Mạnh	Con		05/01/2009	044209010069	Kinh		
	Bùi Trung Dũng	Con		02/10/2010	044210008324	Kinh		
VII	PLIETRUMM- ĐẮK CHOAH							
1	A HOANG	Chủ hộ		1/1/1977	062177000124	Giẻ triêng		
	A Râm	cháu		11/4/2001	062201002813	Giẻ triêng		
	Y Thao	cháu		6/9/2019	062319006020	Giẻ triêng		
	A Rơn	cháu		4/22/2023	062223003219	Giẻ triêng		

2	A NHU	Chủ hộ		26/8/1996	062096000240	Ba na		
	Y Bem	Vợ		21/8/1991	062199000224	Ba na		
	Y Nhã Thy	Con		11/01/2018	062318007872	Ba na		
	Y Nhã Tiên	Con		25/04/2016	062316002779	Ba na		
3	A YOCK	Chủ hộ		04/04/1985	062085001148	Ba na		
	Y Kiều	vợ		00/00/1993	062193001559	Ba na		
	Y Yeng Diêu	Con		02/07/2017	062317001365	Ba na		
	Y Yeng Dường	Con		05/07/2019	062219002634	Ba na		
	Y Yeng Khoe	cháu		1/10/2022	062322000179	Ba na		
	A Yeng Dung	cháu		9/18/2014	062214001402	Ba na		
	A Yeng Duẩn	cháu		10/15/2015	062215005812	Ba na		
4	Y THUƠNG	Chủ hộ		01/08/1993	062094001611	Ba na		
	A Chuen	Chồng		01/01/1988	062191001368	Ba na		
	A Văn Kiên	Con		25/07/2013	062216007311	Ba na		
	Y Đến	Con		10/13/2020	62320004762	Ba na		
5	A THẮN	Chủ hộ		02/07/1963	062063003134	Ba na		
	Y Pin	Vợ		00/00/1975	062175002187	Ba na		
	Y Phương	Con		28/12/2015	062315005699	Ba na		
	Y sao	Cháu		05/09/2016	062316008588	Ba na		
	Y Soan	con		2/17/2010	62310006758	Ba na		
6	RAH LAN H'KLÔ	Chủ hộ		04/04/1962	064162000098	Giẻ triềng		
	A Tia	chồng		05/05/1958	062058000052	Giẻ triềng		x
	Rah Lan Y Duyên	Con		31/10/2000	062300000243	Giẻ triềng		
	Lương Hoàng Nhật	cháu		8/10/2023	49223010952	Giẻ triềng		
7	Y NHANH	Chủ hộ		15/01/1992	062192004216	Ba na		
	A Luân	Con		08/04/2012	062212004320	Ba na		
	A Su Ti	Con		25/07/2015	062215001679	Ba na		
8	Y KHEM	Chủ hộ		03/10/1944	062144001933	Ba na		
	Y Khang	Con		06/06/1976	062176002125	Ba na		
	Y Khanh	con		00/00/1983	062183002663	Ba na		
	D Rơm	Cháu		00/00/1989	062089001547	Ba na		
	A DRân	Cháu		11/03/2018	062210881265	Ba na		
	Y Khia	Cháu		29/07/2008	062308007701	Ba na		
	Y Khi	Cháu		19/01/2006	062306003512	Ba na		
9	Y PANH	Chủ hộ		04/04/2000	062300001401	Ba na		
	Nguyễn Ngọc Khan	Chồng		24/12/1994	052094015058	Kinh		
	Y Sao	Con		05/09/2016	062316008588	Ba na		
	Nguyễn Ngọc Mai	cháu		10/3/2020	062320004056	Ba na		
	Nguyễn Ngọc Phúc	cháu		9/13/2022	022222005562	Ba na		

10	Y XUÂN	Chủ hộ		09/05/1997	062197000248	Ba na		
	Nguyễn Ngọc Vũ	chồng		21/01/1992	052092000625	Kinh		
	A Nguyễn Ngọc Khánh	Con		28/02/2020	062220000783	Ba na		
11	A TUẤN	Chủ hộ		28/07/2000	062200001252	Ba na		
	Y The	Vợ		17/02/2001	062301001149	Ba na		
	A Ni	Con		11/02/2018	062218005563	Ba na		
	Y Nguyệt	con		5/25/2020	062322005440	Ba na		
12	A VĨNH	Chủ hộ		02/05/1996	062096004504	Giẻ triềng		
	Y Menh	Vợ		15/02/1996	062196000266	Giẻ triềng		
	A Vuông	con		12/6/2022	062222010009	Giẻ triềng		
	A Vun	Con		10/11/2017	062217009028	Giẻ triềng		
	Y Mía	Con		7/24/2014	062314005121	Giẻ triềng		
	Y Mên	Con		10/31/2016	062316003897	Giẻ triềng		
13	Y THỨC	Chủ hộ		01/01/1969	062169001893	Ba na		
	Y Yuing	Con		30/03/2011	062311007918	Ba na		
	A Dương	Con		11/06/2013	062213001668	Ba na		
	A Lê	Cháu		25/10/2023	062223006407	Ba na		
14	Y BỬK	Chủ hộ		01/01/1975	062175003185	Ba na		
	A Rôn	Con		23/12/2013	062313005928	Ba na		
	Y Ben	Con		25/12/2003	062305004320	Ba na		
15	A RÚT	Chủ hộ		12/01/1976	062076002026	Ba na		
	Y Khuyên	Vợ		05/10/1976	062176002610	Ba na		
	Y Khuy	Con		01/04/2009	062309000005	Ba na		
	A Rih	Con		04/10/2005	062205005746	Ba na		
	Y Thái	Con		24/11/2011	062311007156	Ba na		
	A Răh	Con		4/14/2003	062203007731	Ba na		
	A Rim	con		6/5/1999	062099005374	Ba na		
16	A NÂU	chủ hộ		20/05/1989	062089000184	Giẻ triềng		
	Y Hoa	Vợ		13/12/2000	062300000285	Giẻ triềng		
	A Sun Nin	Con		01/01/1990	062214006302	Giẻ triềng		
	Y Vân Vi	Con		09/09/2016	062316008642	Giẻ triềng		
	A Sun Ni	Con		06/01/2011	062211003118	Giẻ triềng		
	Y Vân Anh	Con		3/18/2022	062322001313	Giẻ triềng		
	Y Thị Thúy Hoàn	Con		9/21/2019	062319003889	Giẻ triềng		
	A Sun Nam	Con		1/11/2021	062221000849	Giẻ triềng		
	A Han Na	Con		4/12/2025	062225001324	Giẻ triềng		
17	Y NGE0	Chủ hộ		09/09/1980	06231005928	Ba na		
	A Tân	con		03/04/2020	062180003101	Ba na		
18	Y MUNG	Chủ hộ		01/01/1992	062192000370	Ba na		

	A Lôi	Con		01/12/2011	062211004856	Ba na		
	A Minh	Con		13/04/2015	062215001731	Ba na		
	Y My	con		2/24/2025	062325000671	Ba na		
19	Y VÂN	Chủ hộ		2/1/2000	062300003360	Ba na		
	A Chon	Vợ		4/20/1995	062095007295	Ba na		
	A Chung	con		23/10/1016	062216001562	Ba na		
	A Quân	con		6/27/2017	062217004106	Ba na		
	A Huân	con		11/26/2021	062221006364	Ba na		
20	A BAL	Chủ hộ		9/7/1998	062098004460	Ba na		
	Y Trinh	vợ		6/8/1999	062199005196	Ba na		
	Y Phôn	con		5/4/2017	062317000750	Ba na		
	Y Bi	con		11/28/2019	062319005381	Ba na		
VIII	THÔN 1							
1	Vũ Thị Mơ	Chủ hộ		1/1/1952	062152003849	Kinh		x
2	Vì Văn Eng	Chủ hộ		19/9/1970	062070000822	nùng		
	Phạm Thị Ánh Hà	Vợ		05/04/1970	062170003555	kinh		
	Vì Văn Vệ	Con		13/08/2006	062206007546	nùng		
	Vì Thị Tươi	Con		03/05/2011	062311006515	nùng		
	Vì Văn Tuấn	Con		16/11/2013	062213004951	nùng		
3	Nguyễn Thị Quỳnh	Chủ hộ		11/12/1954	075154000213	Kinh		x
	Nguyễn An Thái	Con		20/12/1993	062093000574	Kinh		
IX	THÔN 2							
1	Nguyễn Hữu Sướng	Chủ hộ		21/05/1969	062069001855	kinh		
	Lê Thị Kim Ngọc	Vợ		19/03/1972	062172003628	kinh		
	Nguyễn Hữu Phong	Con		10/08/1996	062096003365	kinh		
	Nguyễn Hữu Hoan	Con		29/12/1998	062098007572	kinh		
	Phan Thị Như Oanh	con		3/17/2002	062302005479	kinh		
	Nguyễn Anh Kiệt	cháu		11/23/2021	'062221002980	kinh		
2	Nguyễn Thị Yến	Chủ hộ		18/12/1977	040177026758	kinh		
	Nguyễn Thành Tâm	Con		15/3/2005	040205012592	kinh		
	Nguyễn Thị Bình An	Con		29/8/2007	062307003403	kinh		
3	Nguyễn Thị Xuân	Chủ hộ		10/06/1967	062167002752	kinh		
	Nguyễn Trinh Tường Vi	con		20/09/2007	062307006884	kinh		
4	Nguyễn Thị Thu Thảo	Chủ hộ		30/08/1988	062188000795	kinh		
	Trần Thị Quỳnh Hương	Con		15/05/2006	062306001237	kinh		
	Trần Long Thiên	Con		23/09/2008	062208005951	Kinh		
	Trần Ngọc Hải Đăng	cháu		2/13/2014	062224002562	kinh		
5	Đặng Thị Vân	Chủ hộ		23/12/1991	040191009644	Kinh		

	Phạm Vinh Quang	chồng		30/04/1990	064090004637	kinh		
	Phạm Minh Khang	con		15/11/2018	062218004327	Kinh		
	Phạm Anh Khôi	Con		27/06/2024	062224002707	Kinh		
X	THÔN 3							
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Chủ hộ		25/10/1968	062168000193	kinh		
2	Nguyễn Thị Bích Ly	Chủ hộ		01/6/1978	062178001036	Kinh		
	Đàm Quý Thiên Ngân	con		26/9/2014	044314010126	Kinh		
3	Thái Trần Đăng	Chủ hộ		10/01/1990	062090000510	kinh		
	Trần Thị Chanh	Vợ		20/09/1982	037182006237	kinh		
	Thái Trần Khôi Nguyên	con		19/09/2012	062212003304	kinh		
	Trần Thị Xuân	mẹ		1943	037142003761	Kinh		x
XI	THÔN 4							
1	Phùng Thị Hải	Chủ hộ		8/9/1969	036169007384	kinh		
	Nguyễn Thành	Chồng		26/3/1970	062070003205	kinh		
	Nguyễn Tiến Dũng	Con		14/4/2002	062202003767	kinh		
	Nguyễn Văn Đạt	Con		23/11/2008	062208007107	kinh		
2	Nguyễn Thị Thảo	vợ		20/08/1980	040180024258	kinh		
	Võ Thị Thu Lộc	con		25/10/2005	062305006472	kinh		
	Võ Văn Thọ	con		05/12/2013	062213007702	kinh		
XII	THÔN 5							
1	Y Hyen	Chủ hộ		02/10/1977	062177001993	Rơ ngao		
	A Danh	Chồng		01/01/1987	062087005806	Rơ ngao		
	A Thân	Con		22/10/2000	062200007662	Rơ ngao		
	A Thang	Con		10/09/2002	062202006099	Rơ ngao		
	Y Thâm	Con		18/6/2003	062303004219	Rơ ngao		
	Y Thăm	Con		15/2/2007	062307005399	Rơ ngao		
	A Dăch	Con		06/06/2011	062211003587	Rơ ngao		
	A Dim	Con		25/02/2013	062213005824	Rơ ngao		
	Y Su	Con		22/07/2015	062315003330	Rơ ngao		
2	A Việt	Chủ hộ		6/4/1997	062097004357	Ba na		
	Y Phiêng	Vợ		28/8/1999	062199005148	Rơ ngao		
	Y Vương	con		8/9/2016	062316004530	Rơ ngao		
	A Văn	con		20/10/2018	062218003376	Rơ ngao		
3	A Phep	Chủ hộ		01/01/1971	062071002060	Rơ ngao		
	A Phú	con		20/2/1998	062098000847	Rơ ngao		
	Y Nui	con		12/9/2008	062308002818	Rơ ngao		
	Y nar	con		15/1/2012	062312000160	Rơ ngao		
	A Lôi	con		11/4/2014	062214002193	Rơ ngao		
	A Lung	con		12/7/2017	062217003042	Rơ ngao		

4	Y Juer	Chủ hộ		01/01/1967	062167004438	Rơ ngao		
5	A Xai	Chủ hộ		01/01/1975	062075002645	Rơ ngao		
	Y Luk	vợ		01/01/1978	062178002192	Rơ ngao		
	A Lung	Con		08/07/2005	062205006398	Rơ ngao		
	Y Luyên	Con		27/08/2007	062307005861	Rơ ngao		
	Y Lá	Con		09/04/2017	062317005836	Rơ ngao		
6	Y Lê	Chủ hộ		11/11/1995	062195003082	Rơ ngao		
	Y Suly	con		30/04/2015	062315000093	Rơ ngao		
	Thạch Thủy	con		15/04/2017	062307008555	Rơ ngao		
	Y Đan Ny	con		09/02/2019	062319000626	Rơ ngao		
	Thạch Thiện	con		20/01/2022	062222004581	Rơ ngao		
7	A Đim	Chủ hộ		05/07/1952	062052002538	Rơ ngao		
	Y Brăng	Vợ		01/01/1960	062160003520	Rơ ngao		
	A Đư	con		29/12/2000	062200003519	Rơ ngao		
XIII	THÔN 6							
	Nguyễn Xuân Tú	Chủ hộ		01/01/1988	040088019607	kinh		
	Nguyễn Thị Hiền	Vợ		02/4/1989	040189006414	kinh		
	Nguyễn Thùy Linh	con		18/2/2013	062313004906	kinh		
	Nguyễn Xuân Toàn	Con		07/7/2014	062214000320	kinh		
	Nguyễn Yên Nhi	con		29/3/2016	062316005570	kinh		
	Nguyễn Xuân Đạt	con		07/06/2021	062221001950	kinh		
IXX	THÔN 7							
1	A Trai	Chủ hộ		01/01/1988	062088005812	Rơ ngao		
	Y Huyền	Vợ		18/10/1993	062193005001	Tơ Dra		
	Y Trâm	con		13/06/2012	062312000015	Rơ ngao		
	A Vĩ	con		09/6/2014	062214000066	Rơ ngao		
	Y Vân	con		03/08/2022	062322004112	Rơ ngao		
2	A Phunh	Chủ hộ		01/01/1967	062067003105	Rơ ngao		
	Y Lũng	Vợ		01/01/1971	062171002188	Rơ ngao		
	A Thuk	con		2/4/1999	062099005719	Rơ ngao		
	A Lâm	con		4/4/2007	062207003289	Rơ ngao		
3	A Phuch	Chủ hộ		01/01/1973	062073003314	Rơ ngao		
	Y Bình	con		1973	233383927	Rơ ngao		
	y Bim	con		30/04/2005	062305000881	Rơ ngao		
	a sáu	con		28/02/2001	062203001368	Rơ ngao		
	A Sôi	Con		16/06/2008	062208006751	Rơ ngao		
	Y Suối	con		21/04/2010	062310004663	Rơ ngao		
4	Y Tha	Chủ hộ		01/01/1987	062187003687	Rơ ngao		
	A Pra	chồng		01/01/1991	062091007006	Rơ ngao		

	Y Thảo	con		10/04/2010	062310006292	Rơ ngao		
	A Thái	con		25/11/2011	062211004187	Rơ ngao		
	Y tuyết	con		31/03/2016	062316003107	Rơ ngao		
	A Thịnh	con		26/07/2017	062217003956	Rơ ngao		
	A Thuynh	con		08/06/2022	062222002671	Rơ ngao		
5	A Trang	Chủ hộ		01/01/1995	062095007964	Rơ ngao		
	Y Lũt	Vợ		30/05/1996	062196001250	Rơ ngao		
	A Tron	con		22/9/2021	062221005086	Rơ ngao		
	A Truyền	con		10/10/2022	062222004124	Rơ ngao		
6	A Vui	Chủ hộ		15/09/1998	062098001691	Rơ ngao		
	Y THunh	Vợ		06/06/1998	062198000912	Rơ ngao		
	A vút	con		10/10/2019	062219004635	Rơ ngao		
	A Vura	con		05/08/2022	062222002856	Rơ ngao		
7	Y Hyon	Chủ hộ		03/03/1996	062166001780	Rơ ngao		
	Lâm Hoàng Anh	Chồng		20/7/1995	095095002786	Rơ ngao		
	Lâm Gia Kiệt	con		27/5/2018	062218001614	Rơ ngao		
	Lâm Anh Thư	con		21/01/2020	062320000142	Rơ ngao		
	Lâm Gia Nghĩa	con		22/08/2024	062224003292	Rơ ngao		
8	Y Lắc	Chủ hộ		01/01/1974	062174003453	Rơ ngao		
	A Suên	Chồng		01/01/1976	062076003583	Rơ ngao		
	Y Luyên	con		01/01/2005	062305007440	Rơ ngao		
	A Trợ	con		01/01/2011	062211003652	Rơ ngao		
XX	THÔN 8							
1	Trần Thị Quynh	chủ hộ		01/01/1958	038158027661	kinh		x
	Đào Duy Sỹ	con		14/1/2001	062201000549	kinh		
	Đào Xuân Trường Giang	Cháu		23/2/2015	062215002609	Kinh		
2	Nguyễn Hữu Trung	Chủ hộ		16/7/1955	001055015403	kinh		x
	Trần Thị Thu Thanh	vợ		1/2/1957	049157000885	kinh		x
3	Phan Nông	Chủ hộ		2/6/1963	062063002669	Kinh		
	Nguyễn Thị Nga	Vợ		1/3/1966	052166014779	Kinh		
XXI	THÔN 9							
1	Văn Đình Minh	Chủ hộ		15/08/1970	062070000286	Kinh		
	Văn Đình Long	con		15/06/1972	062072000022	Kinh		
2	Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ hộ		06/03/1953	052153000627	Kinh		
3	Cao Thị Thanh	Chủ hộ		01/01/1962	026162008274	Kinh		
	Cao Văn Hiếu	con		02/06/2004	062204001539	Kinh		
4	Y Nhuận	Chủ hộ		9/11/1982	062182003566	Sơ rá		
	Lê Thành Phước	chồng		12/12/1974	052074012857	Kinh		
	Y Nhi	con		7/2/2002	062302005318	Sơ rá		

	Lê Thành Đạt	con		10/08/2004	062204001038	Sơ rá		
	Y Tuyết Trinh	con		28/11/2005	062305006502	Sơ rá		
	Lê Thành Việt	con		15/01/2008	062208001350	Sơ rá		
	Y Hằng	con		31/07/2010	062310004540	Sơ rá		
	Y Tường Vy	con		29/03/2017	062317008204	Sơ rá		
	Lê Thành Nam	con		05/08/2019	062219003084	Sơ rá		

TỔNG: có 12 hộ nghèo/ 43 khẩu; Hộ cận nghèo: 77 hộ/ 312 khẩu

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

DANH SÁCH HỘ THOÁT NGHÈO, HỘ THOÁT CẬN NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo của Ban Chỉ đạo cấp xã.)

Năm rà soát 2025

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh
A	Danh sách hộ thoát nghèo			
I	TỔ 1			
1	Lâm Thị Hường	Chủ hộ	2	01/01/1948
II	TỔ 10			
2	Lê Thị Chút	Chủ hộ	2	1939
	Trần Bá Thọ	Con	1	1966
III	PLIE TRUM - ĐẮK CHOH			
1	Y MỪNG	Chủ hộ	2	01/01/1992
	A Lôi	Con	1	01/12/2011
	A Minh	Con	1	13/04/2015
IV	THÔN 2			
1	Bùi Thị Lệ	Chủ hộ	2	11/03/1950
	Đỗ Tấn Quang	Chồng	1	01/01/1937
V	THÔN 4			
1	Nguyễn Long	Chủ hộ	1	05/03/1940
	Phạm Thị Nhung	Vợ	2	10/03/1945
VI	THÔN 5			
1	Y Lê	Chủ hộ	1	11/11/1995
	Y Suly	con	1	30/04/2015
	Thạch Thủy	con	1	15/04/2017
	Y Đan Ny	con	1	09/02/2019
	Thạch Thiện	con	2	20/01/2022
2	A Đim	Chủ hộ	1	05/07/1952
	Y Brăng	Vợ	2	01/01/1960
	A Đư	con	1	29/12/2000
3	A Rô	chủ hộ	1	1954
VII	THÔN 7			
1	Y Hyon	Chủ hộ	2	03/03/1996
	Lâm Hoàng Anh	Chồng	1	20/7/1995
	Lâm Gia Kiệt	con	1	27/5/2018
	Lâm Anh Thư	con	1	21/01/2020
	Lâm Gia Nghĩa	con	1	22/08/2024
2	Y Lăk	Chủ hộ	2	01/01/1974
	A Suên	Chồng	1	01/01/1976
	Y Luyên	con	2	01/01/2005
	A Trợ	con	1	01/01/2011
B	DANH SÁCH THOÁT CẬN NGHÈO			
I	TỔ 7			
1	Trần Văn Cấp	Chủ hộ	1	30/12/1969
II	TỔ 8			
1	Trịnh Thị Phải	Chủ hộ	2	01/01/1926
	Nguyễn Văn Huy	Con	1	12/01/1973
	Nguyễn Văn Hải	Con	1	10/01/1975
	Nguyễn Hải Đăng	Cháu	1	11/13/2004

III	TỔ 10			
1	Phạm Thị Thu Huyền	Chủ hộ	2	02/10/1984
	Hoàng Ngọc Hà	Con	1	13/04/2002
	Phạm Ngọc Thương	Con	2	24/02/2006
	Nguyễn Hoàng Thiên Ân	Con	2	23/11/2020
2	Nguyễn Xuân Vũ	Chủ hộ	1	8/8/1984
	Phạm Thị Miên	Con	2	2/20/1985
	Nguyễn Văn Bảo	Con	1	2/28/2011
	Nguyễn Thị Vũ Linh	Con	2	5/23/2008
3	Nguyễn Văn Chóng	Chủ hộ	1	5/6/1957
	Lê Thị Thắng	Vợ	2	1/1/1960
4	Nguyễn Thị Đi	Chủ hộ	2	15/02/1979
	Phạm Văn Tuyền	Chồng	1	01/01/1973
	Phạm Xuân Tùng	Con	1	20/02/2006
	Nguyễn Thị Thủy An	Con	2	17/09/2009
5	Bùi Thị Nghệ	Chủ hộ	2	11/12/1957
	Ngô Văn Thuận	Chồng	1	04/1960
	Ngô Văn Hải	Con	1	13/03/1989
	Ngô Thị Lý	Con	2	3/26/1991
	Trần Ngọc Lan Nhi	Cháu	2	30/06/2012
	Trần Ngọc Thanh Thúy	Cháu	2	15/03/2017
IV	PLIE TRUM - ĐẮK CHOH			
1	A GUÊN	Chủ hộ	1	01/01/1994
	Y Lim	Vợ	2	19/01/1991
	A Bích	Con	1	12/02/2016
2	A CHỪNG	Chủ hộ	1	02/07/1994
	Y Lai	Vợ	2	25/09/1996
	A Chuẩn	Con	1	08/09/2019
3	HỨA A LONG	Chủ hộ	1	01/01/1992
	Y Nhưk	Con	2	180/8/1994
	A Phi	Con	1	21/04/2019
4	A MANH	Chủ hộ	1	01/06/1984
	Y Phùi	Vợ	2	13/03/1987
	A Phong	Con	1	10/01/2017
5	Y KYUÝNG	Chủ hộ	2	16/08/1997
	A Ut	Chồng	1	08/05/1996
	A Tuấn Kiệt	Con	1	28/06/2018
6	A DÊN	chủ hộ	1	01/01/1993
	Y Thơm	vợ	2	07/12/1995
	A Thiên Dân	Con	1	27/09/2018
	Y Thiên Thư	Con	2	05/11/2016
	A Thiên Doanh	Con	1	08/04/2015
7	A LÊN	Chủ hộ	1	17/12/1989
	Y Liên	Vợ	2	07/5/1992
	Y Truyền	Con	2	25/6/2015
8	Y NHIÊU	Chủ hộ	2	05/09/1985
	Y Tuyên	Con	2	18/07/2009
	A Toàn	Con	1	11/11/1996
	A Gi	Con	1	14/8/2011
9	Y THAO	Chủ hộ	2	1/1/1990
	Y Thuyền	con	2	11/20/2015

V	THÔN 1			
1	Phạm Thị Ánh Hậu	Chủ hộ	2	08/9/1975
	Nguyễn Thị Kim Liên	Mẹ	2	13/08/1946
	Ngô Hồ Lưu	Chồng	1	24/7/1973
	Ngô Văn Thanh	Con	1	1995
2	Đỗ Đình Bảo	Chủ hộ	1	16/07/1949
	Bùi Thị Bé	Vợ	2	01/01/1948
VI	THÔN 2	Chủ hộ		01/01/1948
1	Nguyễn Thị Hoa	Chủ hộ	2	20/06/1942
2	Lê Thị Sương	Chủ hộ	2	20/03/1947
3	Đặng Thị Hồng		2	16/10/1946
4	Nguyễn Thị Hòa	Chủ hộ	2	05/02/1948
	Lê Trung Hậu	con	1	01/01/1985
VII	THÔN 3			
1	Phan Thị Hương Danh	vợ	2	16/09/1981
	Lê Minh Hiếu	con	1	11/01/2001
	Lê Văn Thảo	con	1	10/05/2009
VIII	THÔN 4			
1	Trần Ngọc Tiến	Chủ hộ	1	14/06/1979
	Nguyễn Thị Vi	Vợ	2	07/09/1981
	Trần Ngọc Huy	con	1	02/08/2006
	Trần Ngọc Thanh Hương	con	2	08/02/2010
	Trần Nguyễn Huy Hoàng	con	1	10/09/2012
2	Cao Thị Mỹ	Chủ hộ	2	01/01/1943
3	Trần Thị Vui	Chủ hộ	2	01/05/1944
4	Lê Thị Hiệp	Chủ hộ	2	03/02/1943
5	Trần Thị Mai Thắm	Chủ hộ	2	04/01/1984
	Nguyễn Hữu Hiền	Con	1	10/08/1981
	Nguyễn Hữu Hùng	Con	1	15/07/2003
	Nguyễn Hữu Lâm	Con	1	23/07/2005
6	Nguyễn Thị Dạng	Chủ hộ	2	1939
VIII	THÔN 5			
1	A Tư	Chủ hộ	2	11/11/1993
	Y Vương	Vợ	1	26/08/1989
	Y Như Ý	con	1	11/01/2008
	A Tường ân	con	1	02/5/2017
2	A Khát	Chủ hộ	1	24/2/2001
	Y Sương	Vợ	2	14/12/2002
	Y Khim	con	2	3/3/2023
	A Khâm	con	1	30/9/2024
IX	THÔN 7			
1	A Khá	Chủ hộ	1	28/11/1994
	Y Ngâm	vợ	2	21/9/2002
	Y Ngen	con	2	24/6/2018
	Y Ngis	con	2	05/08/2023
2	A Rai	Chủ hộ	1	12/09/1999
	Y Thiều	vợ	2	14/06/2000
	Y Lyna Trân	con	2	07/01/2018
	Y Ánh dương	Con	2	11/10/2021
	A Ru	Con	1	22/1/2023
3	Y Giang	Chủ hộ	2	07/12/2002
	A Đào	chồng	1	22/3/2001
	Y Dịu	con	2	11/1/2020

4	Y Yai	Chủ hộ	1	02/1/2000
	Trần Huỳnh Nhanh	chồng	2	07/07/2000
	Trần Y An Thư	con	1	15/05/2018
	Trần Huỳnh Tiên	con		23/02/2023
5	A Trên	Chủ hộ	1	10/5/1999
	Y Bê Rút	Vợ	2	02/9/2000
	A Chi bi	Con	1	29/11/2017
	A Thất	Con	1	12/4/2021
6	A Nam	Chủ hộ	1	14/5/2000
	Y Thư	Vợ	2	10/07/2002
	Y Thật	Con	2	14/10/2019
7	Y Pui	Chủ hộ	2	2/3/1992
	A Chang	con	1	29/9/2019
	Y Chun	Con	2	10/09/2017
8	A Hơ	Chủ hộ	1	04/02/2000
	Y um	Vợ	2	1/6/2000
	A Li Hách	Con	1	2/11/2021
9	A Biuh	Chủ hộ	1	01/1/1990
	Y Thoh	Vợ	2	02/6/1989
	A - Bình	con	1	7/8/2012
	A-Biu	con	1	16/2/2014
	Y Nhã	con	2	6/10/2020
10	A Tuk	Chủ hộ	1	20/2/1998
	Y Sâm	con	2	13/4/1997
	A Tôn	con	1	09/5/2020
	Y Tuyết	con	2	26/01/2024
X	THÔN 8			
1	Lê Thị Ba	Chủ hộ	2	04/02/1941
	Nguyễn Thị Thanh Nga	con	2	01/01/1978
2	Nguyễn Thị Xương	Chủ hộ	2	3/9/1940
XI	THÔN 9			
1	Nguyễn Duy Tiên	Chủ hộ	2	05/11/1974
	Nguyễn Tuấn Anh	con	1	12/08/2002
	Lê Nguyễn Thanh Hà	con	2	18/09/2013
2	Nguyễn Thị Yến	Chủ hộ	2	01/01/1948
Danh sách có 10 hộ thoát nghèo, 45 hộ thoát cận nghèo				

Ghi chú

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Phụ lục 1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGÈO, HỘ CẬN NGÈO
(Kèm theo Báo cáo, Quyết định phê duyệt)

Năm rà soát 2025

TT	Thôn/tổ dân phố	Tổng số hộ dân cư (tại thời điểm rà soát)		Kết quả rà soát (sơ bộ/chính t		
				Tổng số hộ nghèo		Tổng số t
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1	Tổ 1	341	1229	0	0,00	0
2	Tổ 2	705	2820	3	0,43	4
3	Tổ 3	525	1850	0	0,00	4
4	Tổ 4	580	1967	0	0,00	0
5	Tổ 5	502	1798	0	0,00	0
6	Tổ 6	324	1202	0	0,00	1
7	Tổ 7	333	1237	0	0,00	0
8	Tổ 8	309	2289	0	0,00	5
9	Tổ 9	533	1814	0	0,00	0
10	Tổ 10	507	1955	0	0,00	6
11	Thôn Thanh Trung	316	1212	1	0,32	1
12	Thôn Pleitrum-Đăkchoah	290	1098	1	0,34	20
13	Tổ 1 (Ngô Mây củ)	351	1247	1	0,28	0
14	Tổ 2 (Ngô Mây củ)	289	1120	0	0,00	0
15	Tổ 3 (Ngô Mây củ)	178	710	0	0,00	0
16	Thôn 1	187	701	1	0,53	3
17	Thôn 2	186	695	0	0,00	5
18	Thôn 3	176	532	1	0,57	3
19	Thôn 4	169	560	0	0,00	2
20	Thôn 5	137	569	1	0,73	7
21	Thôn 6	110	384	0	0,00	1
22	Thôn 7	146	606	1	0,68	8
23	Thôn 8	195	761	1	0,51	3
24	Thôn 9	431	1768	1	0,23	4
	Tổng cộng	7820	30124	12	0,15	77

hức)
hộ cận nghèo
Tỷ lệ
6
0,00
0,57
0,76
0,00
0,00
0,31
0,00
1,62
0,00
1,18
0,32
6,90
0,00
0,00
0,00
1,60
2,69
1,70
1,18
5,11
0,91
5,48
1,54
0,93
0,98

Phụ lục 02

TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ NGHÈO TRONG NĂM

(Kèm theo Báo cáo, Quyết định phê duyệt)

TT	Thôn, tổ dân phố	Phân tổ	Tổng số hộ nghèo đầu năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	Diễn biến giảm số hộ nghèo			Diễn biến tăng số hộ nghèo				Tổng số hộ nghèo cuối năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)
				Số hộ thoát nghèo		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, hộ nghèo đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách, nhập với hộ khác,...	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn đột xuất trong năm		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...	
								Tái nghèo	Phát sinh mới		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Tổ 1	Hộ	1		1						0
		Nhân khẩu	1		1						0
2	Tổ 2	Hộ	3								3
		Nhân khẩu	12								12
3	Tổ 3	Hộ	0								0
		Nhân khẩu	0								
4	Tổ 4	Hộ	0								0
		Nhân khẩu	0								
5	Tổ 5	Hộ	0								0
		Nhân khẩu	0								
6	Tổ 6	Hộ	0								0
		Nhân khẩu	0								
7	Tổ 7	Hộ	0								0
		Nhân khẩu	0								
8	Tổ 8	Hộ	0								0

8	108	Nhân khẩu	0								
9	Tổ 9	Hộ	0								0
		Nhân khẩu	0								
10	Tổ 10	Hộ	1		1						0
		Nhân khẩu	2		2						0
11	Thôn Thanh Trung	Hộ	1								1
		Nhân khẩu	2								2
12	Thôn Pleitrum-Đăkchoah	Hộ	1	1			1				1
		Nhân khẩu	3	3			3				3
13	Tổ 1 (Ngô Mây củ)	Hộ	1								1
		Nhân khẩu	3			2					1
14	Tổ 2 (Ngô Mây củ)	Hộ	0								0
		Nhân khẩu	0								
15	Tổ 3 (Ngô Mây củ)	Hộ	0								0
		Nhân khẩu	0								
16	Thôn 1	Hộ	1								1
		Nhân khẩu	7								7
17	Thôn 2	Hộ	1		1						0
		Nhân khẩu	2		2						0
18	Thôn 3	Hộ	1								1
		Nhân khẩu	1								1
19	Thôn 4	Hộ	1		1						0
		Nhân khẩu	2		2						0
20	Thôn 5	Hộ	4	2		1					1
		Nhân khẩu	14	8		1					5
21	Thôn 6	Hộ	0								0
		Nhân khẩu	0								
22	Thôn 7	Hộ	3	2							1
		Nhân khẩu	12	9							3
23	Thôn 8	Hộ	1								1
		Nhân khẩu	4								4
24	Thôn 9	Hộ	1								1
		Nhân khẩu	5								5

1 đi 1 chết

chết hộ đơr

TỔNG		21	6	4		1				12
		70	20	7	3	3				43

Giảm 3 khẩu

Phụ lục 03
TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ CẬN NGHÈO TRONG NĂM
(Kèm theo Báo cáo, Quyết định phê duyệt)

TT	Thôn, tổ dân phố	Phân tổ	Tổng số hộ cận nghèo đầu năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	Diễn biến giảm số hộ cận nghèo			Diễn biến tăng số hộ cận nghèo			Tổng số hộ cận nghèo cuối năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	
				Số hộ thoát cận nghèo	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo	Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, hộ đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách, nhập với hộ khác,...	Số hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn đột xuất trong năm			Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...
								Tái cận nghèo	Phát sinh mới		
1	Tổ 1	Hộ	0								0
		Nhân khẩu									
2	Tổ 2	Hộ	3						1		4
		Nhân khẩu	13						1		15
3	Tổ 3	Hộ	4								4
		Nhân khẩu	17			2					15
	Tổ 4	Hộ	0								0
		Nhân khẩu									
	Tổ 5	Hộ	0								0
		Nhân khẩu									
	Tổ 6	Hộ	1								1
		Nhân khẩu	6								6

	Tổ 7	Hộ	1	1							0
		Nhân khẩu	1	1							0
	Tổ 8	Hộ	6	1							5
		Nhân khẩu	20	4							15
	Tổ 9	Hộ	0								0
		Nhân khẩu									
	Tổ 10	Hộ	10	5			1				6
		Nhân khẩu	41	20			2				24
	Thôn Thanh Trung	Hộ	1								1
		Nhân khẩu	4			1					3
	Thôn Pleitrum- Đăkchoah	Hộ	26	8	1		1		2		20
		Nhân khẩu	110	27	2		4		9		93
	Tổ 1 (Ngô Mây củ)	Hộ	0								0
		Nhân khẩu									
	Tổ 2 (Ngô Mây củ)	Hộ	0								0
		Nhân khẩu									
	Tổ 3 (Ngô Mây củ)	Hộ	0								0
		Nhân khẩu									
	Thôn 1	Hộ	5	2							3
		Nhân khẩu	14	6							8
	Thôn 2	Hộ	9	4							5
		Nhân khẩu	24	5							19
	Thôn 3	Hộ	4	1							3
		Nhân khẩu	10	3							7
	Thôn 4	Hộ	8	5		1					2
		Nhân khẩu	20	13							7
	Thôn 5	Hộ	7	2			2				7
		Nhân khẩu	33	8			8				33
	Thôn 6	Hộ	1								1
		Nhân khẩu	6								6
	Thôn 7	Hộ	16	10			2				8

	Thôn 7	Nhân khẩu	68	38			9				39
	Thôn 8	Hộ	5	2							3
		Nhân khẩu	10	3							7
	Thôn 9	Hộ	6	2							4
		Nhân khẩu	18	4							14
TỔNG		Hộ	113	43	1	1	6		3		77
		Nhân khẩu	415	130	2	3	23		10		312

bỏ đi 2 khẩu

chết 1 khẩu

1 ĐƠN THÂN C

Phụ lục 04

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo, Quyết định phê duyệt)

TT	Thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Tổ 1	0												
2	Tổ 2	3	3			3			1			1	1	2
3	Tổ 3	0												
4	Tổ 4	0												
5	Tổ 5	0												
6	Tổ 6	0												
7	Tổ 7	0												
8	Tổ 8	0												
9	Tổ 9	0												
10	Tổ 10	0												
11	Thôn Thanh Trung	1	1			1	1				1			
12	Thôn Pleitrum-Đăkchoah	1	1	1		1								
	Tổ 1 (Ngô Mây củ)	1	1	1									1	
	Tổ 2 (Ngô Mây củ)	0												
	Tổ 3 (Ngô Mây củ)	0												
	Thôn 1	1		1	1	1							1	
	Thôn 2	0												
	Thôn 3	1	1				1							1
	Thôn 4	0												
	Thôn 5	1	1	1	1	1								

13	Thôn 6	0												
14	Thôn 7	1					1	1				1		
15	Thôn 8	1	1	1		1							1	
16	Thôn 9	1		1		1		1	1	1		1		
	Tổng cộng	12	9	6	2	9	3	2	2	1	1	3	4	3

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận

}

11

0

0

0

0

0

0

0

0

3

2

3

3

3

0

4

0
3
4
6

Phụ lục 05

PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo, Quyết định phê duyệt)

TT	Thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo (so với tổng số hộ nghèo)										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Tổ 1	0											
2	Tổ 2	3	100	0	0	100	0	0	33,33333333	0	0	33,33333333	33,33333333
3	Tổ 3	0											
4	Tổ 4	0											
5	Tổ 5	0											
6	Tổ 6	0											
7	Tổ 7	0											
8	Tổ 8	0											
9	Tổ 9	0											
10	Tổ 10	0											
11	Thôn Thanh Trung	1	100	0	0	100	100	0	0	0	100	0	0
12	Thôn Pleitrum-Đăkchoah	1	100	100	0	100	0	0	0	0	0	0	0
13	Tổ 1 (Ngô Mây củ)	1	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	100
14	Tổ 2 (Ngô Mây củ)	0											
15	Tổ 3 (Ngô Mây củ)	0											
16	Thôn 1	1	0	100	100	100	0	0	0	0	0	0	100
17	Thôn 2	0											
18	Thôn 3	1	100	0	0	0	100	0	0	0	0	0	0
19	Thôn 4	0											
20	Thôn 5	1	100	100	100	100	0	0	0	0	0	0	0
21	Thôn 6	0											
22	Thôn 7	1	0	0	0	0	100	100	0	0	0	100	0
23	Thôn 8	1	100	100	0	100	0	0	0	0	0	0	100
24	Thôn 9	1	0	100	0	100	0	100	100	100	0	100	0
TỔNG:		12											

Ghi	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch

Ghi chú:	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện] thôn;
-----------------	--------------------------------------	------------------	---------------------------------	--	--------------------------	----------------------------

* *Áp dụng cho cấp xã chi tiết theo từng thôn*

12
66,66666667
0
0
0
0
100
0
0
0
0

ch vụ viễn thông

phục vụ tiếp cận
g tin

Phụ lục 06

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo, Quyết định phê duyệt)

TT	Thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ cận nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Tổ 1	0												
2	Tổ 2	4												
	Tổ 3	4	3			4	1							
	Tổ 4	0		1		3								
	Tổ 5	0												
	Tổ 6	1		1		1								
	Tổ 7	0												
	Tổ 8	5	5			5								
	Tổ 9	0												
	Tổ 10	6	2	1		6								
	Thôn Thanh Trung	1	1			1								
	Thôn Pleitrum-Đăkchoa	20	9	4		20	2	1						
	Tổ 1 (Ngô Mây củ)	0												
	Tổ 2 (Ngô Mây củ)	0												
	Tổ 3 (Ngô Mây củ)	0												
	Thôn 1	3	2			2								
	Thôn 2	5	1			5								
	Thôn 3	3	3			3								
	Thôn 4	2		1		2	1							
	Thôn 5	7	4	2		7							1	

	Thôn 6	1	1			1								
	Thôn 7	8	5	1		8	1		1					
	Thôn 8	3	2	1		3								
	Thôn 9	4			1	3						1	1	1
	Tổng cộng	77	38	12	1	74	5	1	1	0	0	1	2	1

Phụ lục 07

PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo, Quyết định phê duyệt)

TT	Thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ cận nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo (so với tổng số hộ cận nghèo)										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Tổ 1	0											
	Tổ 2	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổ 3	4	75	0	0	100	25	0	0	0	0	0	0
	Tổ 4	0											
	Tổ 5	0											
	Tổ 6	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổ 7	0											
	Tổ 8	5	100	0	0	100	0	0	0	0	0	0	0
	Tổ 9	0											
	Tổ 10	6	33,33333333	16,66666667	0	100	0	0	0	0	0	0	0
	Thôn Thanh Trung	1	100	0	0	100	0	0	0	0	0	0	0
	Thôn Pleitrum-Đăkchoah	20	45	20	0	100	10	5	0	0	0	0	0
	Tổ 1 (Ngô Mây củ)	0											
	Tổ 2 (Ngô Mây củ)	0											
	Tổ 3 (Ngô Mây củ)	0											
	Thôn 1	3	66,66666667	0	0	66,667	0	0	0	0	0	0	0
	Thôn 2	5	20	0	0	100	0	0	0	0	0	0	0
	Thôn 3	3	100	0	0	100	0	0	0	0	0	0	0
	Thôn 4	2	0	50	0	100	50	0	0	0	0	0	0
	Thôn 5	7	57,14285714	28,57142857	0	100	0	0	0	0	0	0	14,28571429
	Thôn 6	1	100	0	0	100	0	0	0	0	0	0	0
	Thôn 7	8	62,5	12,5	0	100	12,5	0	12,5	0	0	0	0
	Thôn 8	3	66,66666667	33,33333333	0	100	0	0	0	0	0	0	0
	Thôn 9	4	0	0	25	75	0	0	0	0	0	25	25
	Tổng cộng	77											

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh	11: Sử dụng dịch
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu	10: Nhà tiêu hợp vệ	12: Phương tiện ph

12
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
25

1 vụ viễn
1 vụ tiếp

Phụ lục 08

PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG

(Kèm theo Báo cáo, Quyết định phê duyệt)

TT	Thôn, tổ dân phố	Phân tổ (Hộ, nhân khẩu)	Tổng số hộ dân cư	Số hộ dân tộc thiểu số	Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng							
					Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ cận nghèo	Hộ nghèo dân tộc thiểu số ¹	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	Hộ nghèo không có khả năng lao động ²	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng ³	Hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Tô 1	Hộ	341	3	0	0	0	0				
		Nhân khẩu	1229	8	0	0						
2	Tổ 2	Hộ	705	21	3	4	0	0		1		
		Nhân khẩu	2820	76	12	15				1		
3	Tô 3	Hộ	525	17	0	4	0	0				
		Nhân khẩu	1850	63	0	15						
4	Tô 4	Hộ	580	15	0	0	0	0				
		Nhân khẩu	1967	55	0	0						
5	Tô 5	Hộ	502	6	0	0	0	0				
		Nhân khẩu	1798	16	0	0						
6	Tô 6	Hộ	324	7	0	1	0	1				
		Nhân khẩu	1202	28	0	6	0	1				
7	Tô 7	Hộ	333	5	0	0	0	0				
		Nhân khẩu	1237	21	0	0						
8	Tô 8	Hộ	309	7	0	5	0	0		1		
		Nhân khẩu	2289	29	0	15				1		
9	Tô 9	Hộ	533	9	0	0	0	0				
		Nhân khẩu	1814	28	0	0						
10	Tô 10	Hộ	507	8	0	6		0				
		Nhân khẩu	1955	24	0	24						
11	Thôn Thanh Trung	Hộ	316	16	1	1	0	0				
		Nhân khẩu	1212	28	2	3						
12	Thôn Pleitrum-Đăkchoah	Hộ	290	151	1	20	1	20				
		Nhân khẩu	1098	788	3	93	3	93				

13	Tổ 1 (Ngô Mây cũ)	Hộ	351	9	1	0	0	0	1			
		Nhân khẩu	1247	29	1	0			1			
14	Tổ 2 (Ngô Mây cũ)	Hộ	289	9	0	0	0	0				
		Nhân khẩu	1120	32	0	0						
15	Tổ 3 (Ngô Mây cũ)	Hộ	178	14	0	0	0	0				
		Nhân khẩu	710	45	0	0						
16	Thôn 1	Hộ	187	2	1	3	0	1		1		
		Nhân khẩu	701	8	7	8		4		1		
17	Thôn 2	Hộ	186	1	0	5	0	0				
		Nhân khẩu	695	2	0	19						
18	Thôn 3	Hộ	176	10	1	3	0	0	1			
		Nhân khẩu	532	20	1	7			1			
19	Thôn 4	Hộ	169	3	0	2	0	0				
		Nhân khẩu	560	8	0	7						
20	Thôn 5	Hộ	137	120	1	7	1	7		1		
		Nhân khẩu	569	540	5	33	5	33		1		
21	Thôn 6	Hộ	110	0	0	1	0	0				
		Nhân khẩu	384	0	0	6						
22	Thôn 7	Hộ	146	128	1	8	1	8				
		Nhân khẩu	606	597	3	40	3	40				
23	Thôn 8	Hộ	195	0	1	3	0	0		1		
		Nhân khẩu	761	0	4	7				2		
24	Thôn 9	Hộ	431	8	1	4	0	1		1		
		Nhân khẩu	1768	30	5	14		8		1		
TỔNG		Hộ	7820	569	12	77	3	38	2	6		
		Nhân khẩu	30124	2475	43	312	11	179	2	7		

^[1] Hộ nghèo, hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là hộ nghèo, hộ cận nghèo có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

^[2] Hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

^[3] Hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng là hộ nghèo, cận nghèo có ít nhất một thành viên trong hộ là người có công với cách mạng đang hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi hàng tháng

Phụ lục 09

PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NHÓM DÂN TỘC

(Kèm theo Báo cáo, Quyết định phê duyệt)

TT	Khu vực/Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ nghèo dân tộc Kinh	Tổng số hộ nghèo dân tộc thiểu số			Tổng số hộ cận nghèo	Tổng số hộ cận nghèo dân tộc Kinh	Tổng số hộ cận nghèo dân tộc thiểu số					
				Tổng số	Giẻ triêng	Rơ ngao			Tổng số	Giẻ triêng	BANA	Nùng	Rơ ngao	Sơ rá
A	B	1=2+3	2	3=4+5...	4	5	9=10+11	10	11=12+13+..	12	13	14	15	...
1	Tổ 1	0	0	0			0	0	0					
2	Tổ 2	3	3	0			4	4	0					
3	Tổ 3	0	0	0			4	4	0					
4	Tổ 4	0	0	0			0	0	0					
5	Tổ 5	0	0	0			0	0	0					
6	Tổ 6	0	0	0			1	0	1	1				
7	Tổ 7	0	0	0			0	0	0					
8	Tổ 8	0	0	0			5	5	0					
9	Tổ 9	0	0	0			0	0	0					
10	Tổ 10	0	0	0			6	6	0					
11	Thôn Thanh Trung	1	1	0			1	1	0					
12	Thôn Pleitrum-Đăkchoak	1	0	1	1		20	0	20	4	16			
13	Tổ 1 (Ngô Mây củ)	1	1	0			0	0	0					
14	Tổ 2 (Ngô Mây củ)	0	0	0			0	0	0					
15	Tổ 3 (Ngô Mây củ)	0	0	0			0	0	0					
16	Thôn 1	1	1	0			3	2	1			1		
17	Thôn 2	0	0	0			5	5	0					
18	Thôn 3	1	1	0			3	3	0					
19	Thôn 4	0	0	0			2	2	0					

20	Thôn 5	1	0	1		1	7	0	7				7	
21	Thôn 6	0	0	0			1	1	0					
22	Thôn 7	1	0	1		1	8	0	8				8	
23	Thôn 8	1	1	0			3	3	0					
24	Thôn 9	1	1	0			4	3	1					1
	Tổng cộng	12	9	3	1	2	77	39	38	5	16	1	15	1

Phụ lục 10
PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NGUYÊN NHÂN NGHÈO, CẬN NGHÈO
(Kèm theo Báo cáo, Quyết định phê duyệt)

TT	Thôn, tổ dân phố	Nguyên nhân nghèo, cận nghèo							
		Không có đất sản xuất	Không có vốn sản xuất, kinh doanh	Không có lao động	Không có công cụ/ phương tiện sản xuất	Không có kiến thức về sản xuất	Không có kỹ năng lao động, sản xuất	Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn...	Nguyên nhân khác (ghi rõ)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tổ 1								
	- Hộ nghèo	0		1					
	- Hộ cận nghèo								
2	Tổ 2								
	- Hộ nghèo	3	1	1					
	- Hộ cận nghèo	1	1	1					
3	Tổ 3								
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo	2	1	1					
4	Tổ 4								
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo								
5	Tổ 5								
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo								
6	Tổ 6								
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo		1						
7	Tổ 7								
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo								
8	Tổ 8								
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo		2	2					
9	Tổ 9								
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo								
10	Tổ 10								
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo	5	1						
11	Thôn Thanh Trung								

	- Hộ nghèo	1	1	1					
	- Hộ cận nghèo		1						
12	Thôn Pleitrum-Đăkchoah								
	- Hộ nghèo					1			
	- Hộ cận nghèo	2	5			12	1		
13	Tổ 1 (Ngô Mây củ)	0							
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo								
14	Tổ 2 (Ngô Mây củ)	0							
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo								
15	Tổ 3 (Ngô Mây củ)	0							
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo								
16	Thôn 1								
	- Hộ nghèo		1					1	
	- Hộ cận nghèo			2			1		
17	Thôn 2								
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo	3	2						
18	Thôn 3								
	- Hộ nghèo							1	
	- Hộ cận nghèo	1	1	3					
19	Thôn 4								
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo		1	1					
20	Thôn 5								
	- Hộ nghèo		1						
	- Hộ cận nghèo	4	2				1		
21	Thôn 6								
	- Hộ nghèo								
	- Hộ cận nghèo	1							
22	Thôn 7								
	- Hộ nghèo		1						
	- Hộ cận nghèo	1	3	1	2	1			
23	Thôn 8								
	- Hộ nghèo		1	1					
	- Hộ cận nghèo	3							
24	Thôn 9								
	- Hộ nghèo		1						
	- Hộ cận nghèo		1			2		1	
III	Tổng cộng								
	- Hộ nghèo	4	7	4	0	1	1	2	0
	- Hộ cận nghèo	23	22	11	0	15	3	1	0

[illegible]

[illegible]

Phụ lục 11

TỔNG HỢP CHỈ SỐ THIẾU HỤT CỦA TRẺ EM THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo, Quyết định phê duyệt)

		Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo				Chỉ số thiếu hụt của t thuộc hộ cận nghèo		
TT			Y tế		Giáo dục		Y tế	
	Thôn, tổ dân phố	Tổng số trẻ em	Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng	Chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học	Tổng số trẻ em	Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng
	Đơn vị tính	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1	Tổ 1							
2	Tổ 2	6	6			3	2	
3	Tổ 3					7	7	
4	Tổ 4							
5	Tổ 5							
6	Tổ 6					2	2	
7	Tổ 7							
8	Tổ 8					4	4	
9	Tổ 9							
10	Tổ 10					7	5	
11	Thôn Thanh Trung					1	1	
12	Thôn Pleitrum-Đăkchoah	2	1	1		47	31	
13	Tổ 1 (Ngô Mây củ)							
14	Tổ 2 (Ngô Mây củ)							
15	Tổ 3 (Ngô Mây củ)							
16	Thôn 1	4	4	1		2	2	
17	Thôn 2					4	2	
18	Thôn 3					2	2	
19	Thôn 4					1	0	
20	Thôn 5	3	3	1		13	12	
21	Thôn 6					4	3	1
22	Thôn 7					17	10	
23	Thôn 8	3	3			1	1	
24	Thôn 9	3	3	1		3	3	
	Tổng cộng	21	20	4		118	87	1

Ghi chú:

Cột 1: Tổng số trẻ em thuộc hộ nghèo; Cột 5: Tổng số trẻ em thuộc hộ cận nghèo

Cột 2, 6: Trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi hiện không có bảo hiểm y tế.

Cột 3, 7: Trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi.

Cột 4, 8: Trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi (trẻ từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi được tiếp cận giáo dục mầm non, trẻ từ 6 tuổi đến dưới 12 tuổi

được tiếp cận giáo dục tiểu học và trẻ từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi được tiếp cận giáo dục trung học cơ sở)

